TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ ÔN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 133/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 27-9-2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thúy An**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà **Nguyễn Thị Cẩm**

2/ Ông **Đặng Văn Hậu**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Ánh Nguyệt** –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn tham gia phiên tòa: Ông **Kim Quang Phong** – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 284/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2022 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 146/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Hồ Thị Bạch L**, sinh năm 1992. (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

2. Bị đơn: Anh **Phạm Văn N**, sinh năm 1991. (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp G, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

3. Người làm chứng: Ông **Phạm Văn V**, sinh năm 1965. (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp G, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 15/6/2022, nguyên đơn chị Hồ Thị Bạch L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Văn N thành hôn vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Thời gian chung sống được 05 năm và không hạnh phúc, hiện vợ chồng không còn sống

chung, nguyên nhận mâu thuẫn là do anh N có người phụ nữ khác. Chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Phạm Văn N.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Phạm Hồ Gia H, sinh ngày 07/11/2016 hiện đang sống với chị, chi yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại văn bản (Đơn yêu cầu) ngày 06/9/2022, nguyên đơn chị Hồ Thị Bạch L trình bày: Về con chung chị xét thấy đủ điều kiện để nuôi con nên không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Tại biên bản lấy lời khai của người làm chứng ngày 31/8/2022, người làm chứng ông Phạm Văn Vẽ trình bày: Giữa anh N và chị L thành hôn năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Sau khi thành hôn thì vợ chồng anh N sống ở Cần Thơ, trong thời gian dịch bệnh thì vợ chồng anh N về ở chung với ông khoảng 01 năm, thời gian sau chị L có nói với ông là anh N có người phụ nữ khác nên chị L về nhà cha mẹ ruột chị L sống. Về con chung giữa chị L và anh N có 01 con chung hiện chị L đang nuôi dưỡng, chị L đảm bảo đủ điều kiện nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung giữa chị L và anh N thì ông không biết.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Về trình tự, thủ tục tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà đã tuân thủ theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng không có ý kiến về nội dung mà nguyên đơn khởi kiện, không tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án, không thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với người làm chứng có ý kiến trình bày xin vắng mặt tại phiên tòa, đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 28, 35, 39, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 9, 19, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa chị Hồ Thị Bạch L và anh Phạm Văn N, cụ thể như sau: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hồ Thị Bạch L ly hôn với anh Phạm Văn N; Về con chung: Giao cháu Phạm Hồ Gia H, sinh ngày 07/11/2016 cho chị Hồ Thị Bạch L được quyền trực tiếp trông nôm, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn. Anh Phạm Văn N

không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nôm, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của người đó; Về cấp dưỡng nuôi con: Không đặt ra xem xét; Về tài sản chung, nợ chung: Chị L không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét; Về án phí sơ thẩm: Buộc chị Hồ Thị Bạch L phải nộp 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện của chị Hồ Thị Bạch L yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long giải quyết ly hôn, nuôi con chung với anh PhạmVăn N cư trú tại ấp G, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án có quan hệ tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

[1.2] Nguyên đơn chị Hồ Thị Bạch L có đơn xin vắng mặt ngày 06/9/2022, bị đơn anh Phạm Văn N được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng bị đơn vẫn vắng mặt lần thứ hai không lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[1.3] Người làm chứng ông Phạm Văn Vẽ vắng mặt tại phiên tòa nhưng ông Vẽ đã có lời khai trực tiếp với Tòa án và xin vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt người làm chứng.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Chị Hồ Thị Bạch L và anh Phạm Văn N thành hôn có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 74 vào ngày 08/8/2016 nên xem quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh N là hợp pháp.

Xét trong quá trình chung sống vợ chồng giữa chị L và anh N trong quá trình chung sống không có hạnh phúc theo lời trình bày của chị L là do anh N có quan hệ với người phụ nữ khác và vợ chồng đã sống ly thân nhau. Sau khi Tòa án thụ lý đã ra giấy triệu tập hợp lệ để Toà án hoà giải giúp đở đoàn tụ nhưng anh N và chị L đều vắng mặt không lý do. Như vậy cho thấy tình cảm giữa chị L và anh N

không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên xét yêu cầu ly hôn của chị L là có cơ sở phù hợp Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Xét thấy con chung tên Phạm Hồ Gia H, sinh ngày 07/11/2016 hiện đang sống trực tiếp với chị L, cuộc sống cũng đảm bảo. Chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Anh N không có ý kiến về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Nên Hội đồng xét xử xét giao con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh N không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở là phù hợp Điều 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Hồ Thị Bạch L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Hồ Thị Bạch L phải nộp 300.000đ án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và tại Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp theo quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 và khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Hồ Thị Bạch L. Xử cho chị L ly hôn với anh Phạm Văn N.

2. Về con chung: Giao con chung tên Phạm Hồ Gia H, sinh ngày 07/11/2016 cho chị Hồ Thị Bạch L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Phạm Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Hồ Thị Bạch L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Hồ Thị Bạch L phải nộp 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí ly hôn. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* chị L đã nộp theo biên lai thu số 0014627 ngày 15/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn. Chị L đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Trà Ôn;
- THADS huyện Trà Ôn;
- UBND xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh (Giấy chứng nhận kết hôn số 74 ngày 08/6/2016);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Thúy An